

Số: 84/MYH25/VHU/TB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO

Tuyển sinh Sinh viên Quốc tế 2025

Trường Đại học Văn Hiến thông báo tuyển sinh Sinh viên Quốc tế năm 2025 như sau:

- 1. Đối tượng tuyển sinh và văn bằng tốt nghiệp:** Là học sinh nước ngoài đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.
- 2. Điều kiện tuyển sinh:** Du học sinh phải đáp ứng đủ điều kiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Việt Nam, các tiêu chí của Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2018 và Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được miễn yêu cầu về điều kiện tiếng Việt cụ thể là chứng chỉ B2 tiếng Việt theo khung 6 bậc.
- 3. Ngành tuyển sinh:** tuyển sinh tất cả các ngành đang đào tạo và tuyển sinh tại trường Đại học Văn Hiến (*Danh sách đính kèm tại Phụ lục*).
- 4. Học phí và chính sách hỗ trợ**
 - Học phí: ***Miễn học phí toàn khóa đào tạo.***
 - Chính sách hỗ trợ:
 - Tặng chi phí nhà ở trong toàn khóa đào tạo;
 - Tặng phí bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành của Việt Nam;
 - Tặng gói combo vật phẩm thiết yếu và các dịch vụ all-in-one;
 - Ưu tiên thực tập, kiến tập thuộc các đơn vị của HungHau Holdings;
 - Sinh viên tốt nghiệp được tuyển dụng vào làm việc tại các đơn vị thuộc HungHau Holdings.
- 5. Hồ sơ đăng ký gồm:**
 - Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường Đại học Văn Hiến;
 - Bản sao giấy khai sinh có công chứng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo;
 - Bản sao bằng tốt nghiệp THPT, học bạ (bảng điểm) có chứng thực (bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh);
 - Giấy chứng nhận kết quả học tập đã tích lũy tại trường đại học nước ngoài hoặc Việt Nam (nếu có);

- Minh chứng về các trường hợp được miễn kiểm tra tiếng Việt hoặc ngoại ngữ; chứng chỉ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ do cơ sở đào tạo chuyên ngành có thẩm quyền cấp (nếu có);
- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền nước gửi đào tạo cấp trước khi đến Việt Nam không quá 06 tháng hoặc của Việt Nam chứng nhận;
- Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập ở Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.

6. Thời gian và địa điểm đăng ký:

- Thời gian: từ ngày thông báo đến hết ngày 30/9/2025.
- Địa điểm: Harmony Campus - 624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. HCM.

Thông tin khác vui lòng gửi về email: tuyensinh@vhu.edu.vn.

Nơi nhận:

- TT. HĐT (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường (để t/h);
- Đăng tải website;
- Lưu: VT, TT. TVTS.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức

Số: /MYH25/VHU/TB

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2025

PHỤ LỤC

Danh sách ngành tuyển sinh Sinh viên Quốc tế 2025

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành
1.	Quản trị kinh doanh - Quản trị kinh doanh tổng hợp - Quản trị dự án	7340101
2.	Marketing - Marketing truyền thông - Quản trị Marketing - Digital Marketing	7340115
3.	Kinh doanh thương mại - Kinh doanh thương mại	7340121
4.	Thương mại điện tử - Thương mại điện tử	7340122
5.	Quản trị nhân lực - Quản trị nhân lực	7340404
6.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605
7.	Kinh tế - Kinh doanh quốc tế - Kinh tế số	7310101
8.	Tài chính - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính ngân hàng	7340201
9.	Công nghệ tài chính - Công nghệ tài chính	7340205
10.	Kế toán - Kế toán	7340301
11.	Kiểm toán - Kiểm toán	7340302
12.	Luật - Luật dân sự - Luật thương mại quốc tế	7380101

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành
	- Luật tài chính ngân hàng	
13.	Luật Kinh tế - Luật Kinh tế	7380107
14.	Công nghệ sinh học - Công nghệ sinh học y sinh - Công nghệ sinh học nông nghiệp (vật nuôi, thủy sản, cây trồng)	7420201
15.	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông - Kỹ thuật Điện tử - viễn thông - Hệ thống nhúng và IoT - Thiết kế vi mạch	7520207
16.	Kỹ thuật môi trường - Kỹ thuật môi trường	7520320
17.	Công nghệ thực phẩm - Công nghệ thực phẩm - Công nghệ chế biến thực phẩm	7540101
18.	Kỹ thuật xây dựng - Kỹ thuật xây dựng	7580201
19.	Khoa học máy tính - Khoa học dữ liệu - Hệ thống thông tin	7480101
20.	Công nghệ thông tin - Thiết kế đồ họa/ game/ Multimedia - Công nghệ phần mềm	7480201
21.	Mạng máy tính và Truyền thông - Mạng máy tính và Truyền thông - An toàn thông tin	7480102
22.	Điều dưỡng - Điều dưỡng	7720301
23.	Dược học - Dược học	7720201
24.	Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh thương mại - Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh - Tiếng Anh biên - phiên dịch - Tiếng Anh quan hệ quốc tế	7220201
25.	Ngôn ngữ Pháp - Tiếng Pháp thương mại	7220203

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành
26.	Ngôn ngữ Trung Quốc Liên kết quốc tế Ngôn ngữ Trung Quốc - <i>Tiếng Trung thương mại</i> - <i>Tiếng Trung biên - phiên dịch</i>	7220204
27.	Ngôn ngữ Nhật - <i>Tiếng Nhật thương mại</i> - <i>Tiếng Nhật giảng dạy</i> - <i>Tiếng Nhật biên – phiên dịch</i>	7220209
28.	Quan hệ quốc tế - <i>Đối ngoại – Hợp tác quốc tế</i> - <i>Truyền thông quốc tế</i>	7310206
29.	Đông phương học - <i>Nhật Bản học</i> - <i>Hàn Quốc học</i>	7310608
30.	Trung Quốc học - <i>Trung Quốc học</i>	7310612
31.	Văn học - <i>Văn – Quản trị văn phòng</i> - <i>Giảng dạy văn học</i> - <i>Văn – Truyền thông</i>	7229030
32.	Xã hội học - <i>Xã hội học truyền thông đại chúng</i> - <i>Xã hội học quản trị nhân sự và tổ chức xã hội</i>	7310301
33.	Tâm lý học - <i>Tham vấn và trị liệu tâm lý</i> - <i>Tham vấn tâm lý và quản trị nhân sự</i>	7310401
34.	Việt Nam học - <i>Việt Nam học</i>	7310630
35.	Quan hệ công chúng - <i>Truyền thông và sáng tạo nội dung</i> - <i>Tổ chức sự kiện</i>	7320108
36.	Truyền thông đa phương tiện - <i>Sản xuất phim và quảng cáo</i> - <i>Công nghệ truyền thông</i>	7320104
37.	Du lịch - <i>Quản trị du lịch</i> - <i>Quản trị sự kiện</i>	7810101
38.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - <i>Quản trị lữ hành</i> - <i>Hướng dẫn du lịch</i>	7810103

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành
39.	Quản trị khách sạn - <i>Quản trị khách sạn - Khu du lịch</i>	7810201
40.	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - <i>Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống</i>	7810202
41.	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình - <i>Đạo diễn điện ảnh, truyền hình</i> - <i>Quay phim</i>	7210235
42.	Công nghệ điện ảnh, truyền hình - <i>Sản xuất phim điện ảnh – truyền hình</i> - <i>Dựng phim</i> - <i>Thiết kế mỹ thuật điện ảnh, sân khấu</i> - <i>Công nghệ hoạt hình</i>	7210302
43.	Thanh nhạc - <i>Thanh nhạc thính phòng</i> - <i>Thanh nhạc nhạc nhẹ</i>	7210205
44.	Piano - <i>Piano cổ điển</i> - <i>Piano ứng dụng</i> - <i>Sản xuất âm nhạc</i> - <i>Giảng dạy âm nhạc</i>	7210208